**Mục Lục Môn Triết 1: Biên Soạn : Hoàng Lộc K64-CH1 ( tài liệu để học ai làm thành phao mình không chịu tráchnhiệm)Phần 6 Điểm:**

Cậu 1: Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Là Gì ? Trình Bày Nội DungVấnĐề Cơ Bản Của Triết Học ? ( trang 4-5)

+Câu 2: Tại Sao Nói Triết Học Mác Ra Đời Là Một Tất YếuLịchSử?(trang 6-7)

Câu 3: Phân Tích Định Nghĩa Vật Chất Của Lenin? Rút Ra ÝNghĩaKhoa Học Của Định Nghĩa? (trang 8-9)

Câu 4: Phân Tích Nguồn Gốc , Bản Chất Ý Thức Theo QuanĐiểmChủNghĩa Duy Vật Biện Chứng? (trang 10-11)

Câu 5: Phân Tích Cơ Sở Lý Luận Của Nguyên Tắc Toàn DiệnVàNguyên Tắc Lịch Sử Cụ Thể? Đảng Cộng Sản Việt NamĐã VậnDụngQuan Điểm Này Như Thế Nào Trong Thời Kỳ Đổi Mới ? (trang12-13)

Cậu 6: Phân Tích Cơ Sở Lí Luận Của Nguyên Tắc Phát Triển? ĐảngCộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Nguyên Tắc Này Như Thế NàoTrong Thời Kỳ Đổi Mới ? (trang 14-15)

Cậu 7: Phân Tích Nội Dung Và Ý Nghĩa Phương Pháp Luận CủaCặpPhạm Trù Cái Chung Và Cái Riêng? Nêu 1 Ví Dụ Cụ Thể TrongThựcTiễn? (trang 16-17)

Câu 8: Phân Tích Nội Dung Và Ý Nghĩa Phương Pháp Luận CủaCặpPhạm Trù Nguyên Nhân Và Kết Quả? Nếu 1 Ví Dụ Cụ Thể TrongThựcTiễn? (trang 18-19)

**1**

Câu 9: Phân Tích Nội Dung Quy Luật Từ Những Sự Thay Đổi VềLượng Dẫn Đến Sự Thay Đổi Về Chất Và Ngược Lại? ÝNghĩaPhươngPháp Luận Của Quy Luật? (trang 20-21)

Câu 10: Thực Tiễn Là Gì? Phân Tích Vai Trò Của Thực TiễnĐối Với Quá Trình Nhận Thức? (trang 22-23)

Câu 11: Lenin Viết :’’Từ Trực Quan Sinh Động Đến Tư DuyTrìuTượng Và Từ Tư Duy Trừu Tượng Đến Thực Tiễn Đó Là ConĐườngBiện Chứng Của Sự Nhận Thức Chân Lý, Nhận Thức Thực Tại KháchQuan’’.Anh Chị Hãy Phân Tích Luận Điểm Trên Và Rút Ra ÝNghĩaCủa Nó? (trang 24-25)

Câu 12: Phân Tích Nội Dung Quy Luật Về Sự Phù Hợp Của QuanHệSản Xuất Với Trình Độ Phát Triển Của Lực Lượng Sản Xuất? ĐảngCộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Quy Luật Này Như Thế NàoTrongThời Kỳ Đổi Mới ? (trang 26-27-28)

Câu 13: Phân Tích Độc Lập Tương Đối Của Ý Thức Xã Hội SoVới TồnTại Xã Hội? Cho Ví Dụ Cụ Thể Trong Thực Tiễn? (trang 29-30-31)

Câu 14: Phân Tích Vai Trò Của Quần Chúng Nhân Trong SựPhát TriểnLịch Sử Và Rút Ra Ý Nghĩa Của Nó? Đảng Cộng Sản Việt NamĐãVậnDụng Bài Học ‘’Lấy Dân Làm Gốc’’Như Thế Nào Tròn Thời KỳĐổi Mới? (trang 32-33)

**Phần 4 Điểm:**

Câu 1: Tại Sao Mối Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại Hay GiữaVật Chất Và Ý Thức Là Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học ? (trang 34)

**2**

Câu 2: Phân Tích Sự Đối Lập Giữa Phương Pháp Biện ChứngVàPhương Pháp Siêu Hình Và Đánh Giá ,Giá Trị Của Hai PhươngPhápĐó.(trang 35)

Câu 3: Có Thể Đồng Nhất Quan Hệ Nhân Quả Với Quan Hệ HàmSốĐược Không? Tại Sao? (trang 36)

Câu 4: Theo Triết Học Mac-Lenin Vận Động Và Đứng ImCóĐối LậpTuyệt Đối Không? Tại Sao? (trang 37)

Câu 5: Tại Sao Nói Sản Xuất Vật Chất Là Cơ Sở Của Sự TồnTại VàPhát Triển Của Xã Hội? (trang 38-39)

Câu 6: Trong Kết Cấu Của Lực Lượng Sản Xuất , Yếu Tố NàoGiữVaiTrò Quyết Định Nhất? Tại Sao? (trang 40)

Câu 7: Kết Cấu Của Lực Lượng Sản Xuất, Yếu Tố Nào ĐôngNhất , Cách Mạng Nhất? (trang 41)

Câu 8: Sao Ngày Nay , Khoa Học Là Yếu Tố Trực Tiếp Của XãHội ?Ví Dụ ? (trang 42)

Câu 9: Tại Sao Ý Thức Của Xã Hội Thường Lạc Hậu Hơn SoVới TồnTại Của Xã Hội? Ví Dụ? (trang 43)

**3**

**Triết 1: Phần 6 Điểm 14 câu hỏi**

Cậu 1(6 điểm ): Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Là Gì ? TrìnhBàyNội Dung Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học ?

\*Khái niệm:Vấn đề cơ bản của triết học

-Theo Ăng ghe , vấn đề cơ bản của triết học ,đặc biệt là triết họchiệnđại ,là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại (hay còn được biết tới làmối quan hệ giữa ý thức và vật chất).

-Nội dung vấn đề cơ bản của triết học: vấn đề cơ bản của triết họcgồm2mặt:

+Mặt thứ nhất trả lời cho câu hỏi ‘’vật chất và ý thức ,cái nàocótrước, cái nào có sau,cái nào quyết định cái nào?’’.Để trả lời cho câuhỏi nàycó 3 cách .Chủ nghĩa duy vật cho rằng vật chất là cái có trước vàquyết định ý thức. Ngược lại,chủ nghĩa duy tâm lại cho rằng, ý thức cótrước, ýthức quyết định vật chất. Các nhà triết học theo trường phái nhị nguyênlại cho rằng vật chất và ý thức là 2 tồn tại độc lập , không nằmtrongmốiquan hệ quyết định lẫn nhau.

+Mặt thứ hai trả lời cho câu hỏi ‘’con người có khả năng nhậnthứcđượcthế giới hay không ?’’ .Câu hỏi này có 2 cách trả lời .Các nhà triết họccho rằng khả tri cho rằng con người hoàn toàn có khả năng nhậnthứcđược thế giới, trong khi các nhà triết học bất khả tri lại cho rằngconngười không có khả năng nhận thức được thế giới, hoặc chỉ cóthểnhậnbiết được hiện tượng bên ngoài mà không thể nắmđược bản chất bêntrong.

**4**

\*Mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại (hay giữa ý thức và vật chất)vàvấnđề cơ bản của triết học: Trong thế giới có vô vàn sự vật hiện tượngkhácnhau nhưng tựu chung lại chỉ có 2 hiện tượng chính đó là hiệntượngvậtchất và hiện tượng tinh thần ý thức, mối quan hệ giữa vật chất vàýthứclà mối quan hệ bao trùm lên toàn bộ thế giới. Vì vậy, giải quyết mối quan hệ này là cơ sở nền tảng để giải quyết những vấn đề của triết học .Hơn nữa, giải quyết mối quan hệ này cũng là cơ sở phânđịnhlậptrường tư tưởng ,thế giới quan của các nhà triết học cũng nhưcáchọcthuyết của họ. Tất cả các nhà triết học đều trực tiếp hoặc giántiếpgiải quyết mối quan hệ này.

**5**

Câu 2 (6 điểm): Tại Sao Nói Triết Học Mác Ra Đời Là Một Tất YếuLịch Sử?

\*Nói sự ra đời của triết học mác là 1 tất yếu lịch sử, bởi xét tới điềukiệnkinh tế-xã hội, thực tiễn lý luận và các tiền đề khoa học tự nhiêncủachủnghĩa mác.

\* Điều kinh tế -xã hội : chủ nghĩa mác ra đời vào những năm40củathếkỉ 19, đây là thời kì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ởcácnướctây âu phát triển dẫn tới mâu thuẫn sâu sắc giữa lực lượng sảnxuất vàquan hệ xã hội và hàng loạt cuộc đấu tranh nổ ra ở châu âu.Đólàbằngchứng lịch sử thể hiện giai cấp vô sản đã trở thành lực lượng tiênphongtrong đấu tranh cho nền dân chủ, công bằng xã hội. Thực tiễncáchmạngcủa giai cấp vô sản đã đặt ra yêu cầu khách quan là nó phải đượcsoi sáng bằng lý luận khoa học. Chủ nghĩa mác ra đời nhằmđáp ứngnhucầu khách quan đó.

\*Thực tiễn lý luận: để xây dựng nên chủ nghĩa mác nói chungvàtriết học mác nói riêng, chủ nghĩa mác sử dụng hệ thống thực tiễnlýluậnmàtiền đề là:

-Triết học cổ điển đức: (georg wiheim friedrich hegel và ludwigandreasfeuerbach) mác thừa kế phép biện chứng của hegel trên cơ sởlọcbởi cácyếu tố duy tâm thần bí để xây dựng phép biện chứng duy vật, đồngthờithừa kế các quan điểm duy vật tiến bộ của feuerbach.

-Kinh tế-chính trị cổ điển anh (adam smith và David ricardo). Mácthừakế các quan điểm kinh tế tiến bộ, đặc biệt là học thuyết về giá trị củaadam smith và David ricardo để làm cơ sở xây dựng các quanđiểmduyvật về lịch sử , xã hội.

**6**

-Chủ nghĩa xã hội không tưởng pháp: mác thừa kế các tư tưởngtiếnbộvề xã hội của saint sirnon và charles fourier để biến chủ nghĩa xãhội không tưởng thành chủ nghĩa xã hội khoa học

\*Tiền đề khoa học tự nhiên: Đây là tiền đề để xây dựng và củngcốhệthống tư tưởng duy vật: Định luật bảo toàn và chuyển hóa nănglượng ,học thuyết tế bào và học thuyết tiến hóa.

**7**

Câu 3(6 điểm): Phân Tích Định Nghĩa Vật Chất Của Lenin? Rút RaÝNghĩa Khoa Học Của Định Nghĩa?

\*Các quan điểm trước mác về vật chất

-Thời cổ đại: đây là thời khoa học kỹ thuật chưa phát triển, nhậnthứccon người còn hạn chế, cho nên các nhà triết học nhận thức về thếgiới 1cách trực quan cảm tính. Họ đồng nhất vật chất với nước, lửa, khôngkhí,‘’nguyên tử’’.

-Vào thế kỉ 17,18: Đây là thời kì cơ học cổ điển của newton thịnhhànhvà phát triển, các nhà triết học đề cao vài trò của khối lượng, nênhọđồng nhất vật chất với khối lượng.

\*Định nghĩa vật chất của lenin:

-Vật chất là 1 phạm trù triết học để chỉ thực tại khách quan đượcđemlạicho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chéplại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không phụ thuộc vào cảmgiác.

\*Định nghĩa vật chất của lenin bao gồm những nội dung cơbảnsau:

+Vật chất là 1 phạm trù triết học: là vật chất được nhận thức dưới gócđộtriết học chứ không phải các nhà khoa học cụ thể. Hơn nữa, đâylànhậnthức dưới hình thức phạm trù, nghĩa là chỉ ra cái đặc trưng, nhữngthuộctính căn bản phổ biến của vật chất.

+Vật chất chỉ thực tại khách quan: là tất cả những gì tồn tại bênngoài độc lập ý thức con người, dù con người nhận thức được hoặc chưanhậnthức được.

**8**

+Vật chất là cái gây nên cảm giác ở con người khi gián tiếp haytrựctiếptác động lên giác quan của con người, ý thức của con người là sựphảnánh đối với vật chất, còn vật chất là cái được ý thức phản ánh.

\*Ý nghĩa của định nghĩa:

+Giải quyết triệt để 2 mặt trong vấn đề cơ bản của triết học trênlậptrường duy vật biện chứng.

+Khắc phục được hạn chế trong quan niệm về vật chất của chủnghĩaduy vật siêu hình.

+Cung cấp căn cứ nhận thức khoa học để xác định những gì thuộcvềvậtchất và những gì không là vật chất, tạo lập cơ sở lý luận cho việcxâydựng quan điểm duy vật về lịch sử, khắc phục được những hạnchếduytâm trong quan niệm về xã hội.

**9**

Câu 4(6 điểm): Phân Tích Nguồn Gốc , Bản Chất ÝThức TheoQuanĐiểm Chủ Nghĩa Duy Vật Biện Chứng?

\*Nguồn gốc của tự nhiên:

-Bộ não người và ý thức: ý thức là thuộc tính của 1 dạng vật chất cótổchức cao là bộ não người, là chức năng của bộ óc, là kết quả hoạt độngsinh lý thần kinh của bộ óc.

-Phản ánh: là thuốc tính chung với mọi dạng vật chất phản ánhlàsựtái tạo những đặc điểm của dạng vật chất này lên dạng vật chất khác, có3hình thức phản ánh:

+Phản ánh lý hóa là đặc trưng cho các dạng vật chất vô sinh.

+Phản ánh sinh vật đặc trưng cho các dạng vật chất hữu sinh, đượcthểhiện thông qua 3 trình độ cơ bản: tính kích thích, tính cảmứngvàtínhtâm lý.

+Phản ánh ý thức: hình thức đặc trưng riêng chỉ có ở con người, ýthứclà 1 sự phản ánh của 1 dạng vật chất có tổ chức cao vào trongbộnãoconngười. Ý thức phản ánh thế giới vật chất vào bộ não người 1 cáchnăngđộng, sáng tạo.

-Do đó, bộ não người, cùng với thế giới bên ngoài tác động vàobộnãongười, đó là nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

\*Nguồn gốc xã hội: thông qua các quá trình lao động, sản xuất, bônãocon người dần hoàn thiện, khả năng phản ánh ngày càng phát triển, đồngthời thông qua các quá trình lao động, ngôn ngữ được hình thành.

**10**

\*Ngôn ngữ là phương thức để truyền tải thông tin, lưu giữ thôngtin. Đặcbiệt, ngôn ngữ có khả năng khái quát hóa các tri thức của conngười. Nếu không có ngôn ngữ thì không có ý thức.



trình lao động, sản xuất và hoạt động thực tiễn của con người. Đóchínhlà nguồn gốc xã hội của ý thức.

\*Bản chất của ý thức: ý thức là phản ánh có tính chất năng động, sángtạo của bộ óc con người về thế giới khách quan, là hình ảnh chủquancủa thế giới khách quan.

-Tính chất năng động, sáng tạo của sự phản ánh ý thức: thể hiệnởkhảnăng hoạt động tâm sinh lý của con người trong việc người tiếpnhận, chọn lọc, xử lý, lưu giữ thông tin. Trên cơ sở những cái đã có, ýthứccókhả năng tạo ra tri thức mới, tưởng tượng ra cái không có thực trongthực tế, tiên đoán và dự báo tương lai…

\*Ý thức là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan: ý thức là hìnhảnhvề thế giới khách quan quyết định cả về hình thức và nội dung, songnókhông còn y nguyên như thế giới khách quan. Theo mác, ý thứcchẳngqua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong bộ não người vàđượcbộnão cải biến đi ở trong đó.

\*Ý thức là 1 hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội: sựra đời vàtồntại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự chi phối củacácquy luật tự nhiên, xã hội. Với tính năng động, ý thức sáng tạolại thựchiện theo nhu cầu của thực tiễn.

**11**

Câu 5(6 điểm): Phân Tích Cơ Sở Lý Luận Của Nguyên Tắc ToànDiệnVà Nguyên Tắc Lịch Sử Cụ Thể? Đảng Cộng Sản Việt NamĐãVậnDụng Quan Điểm Này Như Thế Nào Trong Thời Kỳ Đổi Mới ?

\*Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện và quan điểmlịch sửcụthểchính là nguyên lý và mối liên hệ phổ biến.

\*Mối liên hệ dùng để chỉ sự quyết định sự tác động , chuyển hóalẫnnhau giữa các sự vật hiện tượng hay giữa các mặt, các yếu tối củamỗi sinh vật, hiện tượng trong thế giới.

\*Mối liên hệ phổ biến dùng để chỉ tính phổ biến của các mối liênhệcủacác sự vật hiện tượng của thế giới , đồng thời cũng dùng để chỉ cácmốiliên hệ tồn tại ở với mọi sinh vật hiên tượng của thế giới. Đó là cácmốiliên hệ giữa các mặt đối lập, chất và lượng, khăng định và phủđịnh,…

\*Tích chất của các mối liên hệ:

-Tính khách quan : với mọi mối liên hệ của các sự vật , hiện tượnglàkhách quan , là cái vốn có của sự vật hiện tượng, con người chỉ nhậnthức và vận dụng các mối liên hệ đó trong hoạt động thực tiễncủamình.

-Tính phổ biến: mối liên hệ mang tính phổ biến thể hiện: 1,Bất cứ sự vật nào cũng liên hệ với sự vật hiện tượng khác

2,Bất cứ sự vật hiện tượng nào cũng bao gồm những yếu tố cấuthànhnhững mối liên hệ bên trong của nó.

-Tính đa dạng, phong phú: sự vật, hiện tượng hay quá trình khácnhauđều có mối liên hệ khác nhau, giữa vị trí, vai trò khác nhau đối với sựtồn tại và phát triển của nó. Mặt khác, cùng là 1 mối liên hệ nhất định, ởnhưng gia đình khác nhau thì cũng có những tính chất vài tròkhácnhau.

**12**

\*Ý nghĩa phương pháp luận:Từ nội dung nguyên lý về mối liênhệphổbiến rút ra được quan điểm toàn diện và quan điểmlịch sử cụthể:

-Quan điểm toàn diện đòi hỏi trong nhận thức và xử lý các tìnhhuốngthực tiễn, cần xem xét sự vật hiện tượng trong mối quan hệ biệnchứngqua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố, giữa các mặt của chínhsựvật.

-Quan điểm lịch sử cụ thể yêu cầu trong việc nhận thức và xửlýcáctìnhhuống trong hoạt động thực tiễn cần phải xem xét đến nhữngtínhchất đặc thù của đối tượng nhận thức và tình huống giải quyết khác nhautrong thực tiễn. Phải xác định rõ vị trí, vai trò khác nhau của mỗi mối liên hệ cụ thể trong những tình huống cụ thể để từ đó có được nhữnggiảipháp đúng đắn và có hiệu quả trong công việc xử lý các vấn đề thựctiễn,đồng thời khắc phục quan điểm phiến diện, siêu hình triết trung, ngụybiện.

**13**

Cậu 6(6 điểm): Phân Tích Cơ Sở Lí Luận Của Nguyên Tắc Phát Triển?Đảng Cộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Nguyên Tắc Này NhưThếNàoTrong Thời Kỳ Đổi Mới ?

\*Cơ sở lý luận của quan điểm phát triển chính là nguyên lý về sựphát triển.

\*Theo quan điểm duy vật biện chứng, khái niệmphát triển dùngđểchỉ quá trình vận động của sự vật theo khuynh hướng đi lên: từtrìnhđộthấpđến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.

\*Tính chất cơ bản của sự phát triển:

-Tính khách quan: biểu hiện trong nguồn gốc của sự vận độngvàphát triển. Đó là quá trình bắt nguồn từ bản thân hiện tượng là quá trìnhgiải quyết mâu thuẫn của sự vật hiện tượng đó.

-Tính phổ biến: thể hiện ở các quá trình phát triển diễn ra ở với mọi lĩnhvực tự nhiên, xã hội, tư duy, trong đó tất cả với mọi sự vật hiệntượngtrong với mọi quá trình, với mọi giai đoạn của sự vật hiện tượngđó.

-Tính đa dạng, phong phú: mỗi sự vật hiện tượng có quá trìnhphát triểnkhác nhau tồn tại ở không gian thời gian khác nhau, sự vật phát triểnsẽkhác nhau.

-Tính thừa kế: với mọi sự phát triển đều phải dựa trên cơ sởnềntảngcủacác quá trình phát triển trước đó.

\*Ý nghĩa của phương pháp luận:

-Quan điểm phát triển đòi hỏi phải khắc phục tư tưởng phải khắcphụctưtưởng bảo thủ, trì trệ, định kiến, đối lập với phát triển.

-Quan điểm phát triển đòi hỏi nhận thức và giải quyết bất cứvấnđềgì trong thực tiễn , 1 mặt cần phải đặt sự vật, hiện tượng theo khuynh

**14**

hướng đi lên của nó, mặt khác con đường của sự phát triển là quátrìnhbiện chứng, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể trong việc nhậnthứcvàgiải quyết các vấn đề của thực tế.

\*Trong thời kì đổi mới, đảng cộng sản việt namđã vận dụng quanđiểmnày như sau: chủ trương của đảng khuyến khích phát triển tất cảcácthành phần kinh tế để phát triển đất nước, khuyến khích phát triểntất cảcác vùng miền trên cơ sở vùng miền đó.

**15**

Cậu 7(6 điểm): Phân Tích Nội Dung Và Ý Nghĩa Phương PhápLuậnCủa Cặp Phạm Trù Cái Chung Và Cái Riêng? Nêu 1 Ví Dụ CụThểTrong Thực Tiễn?

\*Các Khái Niệm:

-Cái riêng: là 1 phạm trù triết học dùng để chỉ 1 sự vật, hiện tượnghay1quá trình riêng lẻ nhất định.

-Cái chung: là 1 phạm trù triết học dùng để chỉ những mặt, nhữngthuộctính chung không những có ở 1 kết cấu vật chất nhất định mà cònđượclặp lại trong nhiều sự vật hiện tượng riêng lẻ khác.

-Cái đơn nhất: là 1 phạm trù dùng để chỉ những nét những mặt, nhưngthuộc tính, chỉ tồn tại ở 1 sự vật hiện tượng nào đó mà khônglặplại ởcác sự vật hiện tượng khác.

\*Mối quan hệ biện chứng giữa cái riêng và cái chung: chủ nghĩaduyvậtbiện chứng cho rằng tất cả cái riêng, cái chung, cái đơn nhất đềutồntạikhách quan và có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Mối quan hệ đóđượcthể hiện qua những đặc điểm sau:

1, Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng mà biểuhiệnsự tồn tại của mình, không có cái chung thuần túy tồn tại bênngoài cái riêng.

2, Cái riêng chỉ tồn tại quan hệ với cái chung, không có cái riêngnàotồntại độc lập, tách rời tuyệt đối cái chung.

3, Cái riêng là cái toàn bộ, phong phú hơn cái chung, vì ngoài nhữngđiểm chung, cái riêng còn có cái đơn.

4, Cái chung sâu sắc hơn cái riêng, vì cái chung phản ánh thuộctính, những mối liên hệ ổn định, tất nhiên lặp lại ở nhiều cái riêng cùngloại.

**16**

Do vậy, cái chung là cái gắn liền với bản chất quyết định phươnghướngtồn tại và phát triển cái riêng.

5, Cái đơn và cái chung có thể chuyển hóa lẫn nhau trong quá trìnhpháttriển của sự vật:

+Sự chuyển hóa từ cái đơn thành cái chung là biểu hiện quá trìnhcái mới ra đời thay thế cái cũ.

+Sự chuyển hóa từ cái chung thành cái đơn là biểu hiện của quátrìnhcáicũ, cái lỗi thời bị phủ định.

**17**

Câu 8(6 điểm): Phân Tích Nội Dung Và Ý Nghĩa Phương PhápLuậnCủa Cặp Phạm Trù Nguyên Nhân Và Kết Quả? Nêu 1 Ví DụCụThểTrong Thực Tiễn?

\*Khái niệm:

-Nguyên nhân: phạm trù chỉ là sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong1sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra 1 biến đổi nhất địnhnàođó.

-Kết quả: là những biến đổi do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong1sựvật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra.

\*Phân biệt nguyên nhân với nguyên cớ, điều kiện, kết quả với hậuquả:

-Nguyên cớ: là những sự vật hiện tượng xuất hiện đồng thời với nguyênnhân nhưng nó chỉ là quan hệ bên ngoài, ngẫu nhiên chứ khôngsinhrakết quả.

-Điều kiện: là những sự vật gắn liền với nguyên nhân, tác độngvàonguyên nhân, làm cho nguyên nhân phát huy tác dụng. Điều kiệnkhôngtrực tiếp sinh ra kết quả.

-Cả kết quả và hậu quả là do nguyên nhân sinh ra nhưng nhữnggì cólợicho con người gọi là kết quả, những gì có hại cho con người gọi làhậuquả.

\*Tính chất của mối quan hệ nhân quả:

-Tính khách quan: mối liên hệ nhân quả là cái vốn có của bảnthânsựvật, không tồn tại ý thức con người.

-Tính phổ biến: với mọi sự vật hiện tượng trong tự nhiên và xã hội đềucó nguyên nhân nhất định gây ra, dù nguyên nhân đó đã được nhậnthứchay chưa.

**18**

-Tính tất yếu: với 1 nguyên nhân nhất định, trong những điềukiệnnhất định sẽ gây ra kết quả tương ứng với nó.

\*Ý nghĩa của phương pháp luận:

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiện, phải bắt đầu từ việc đi tìmnhững nguyên nhân xuất hiện sự vật hiện tượng.

-Cần phải phân loại các nguyên nhân để có biện pháp giải quyết đúngđắn.

-Phải tận dụng các kết quả đã đạt được để tạo điều kiện thúc đẩynguyênnhân phát huy tác dụng, nhằm mục tính đã đề ra.

Ví dụ: hiện tượng hàng loạt công nhân bị ngộ độc thực phẩmngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Vậy nguyênnhândođâu mà dẫn đến hiện tượng hàng loạt công nhân bị ngộđộcthựcphẩm ở các nhà máy, xí nghiệp lớn? Nguyên nhân banđầuđượccác cơ quan điều tra xác định là do đồ ăn hoặc đồ uốngmàcôngnhân ăn phải tại nhà máy, xí nghiệp – nơi mà họ làmviệc. Quanhiều vụ việc diễn ra có thể xác định được nguyên nhânchủyếucủa hiện tượng này là do đồ ăn, nước uống không hợpvệsinh; bếp ăn không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thức ănchưađược nấu chín kỹ, biến chất, có mùi ôi thiu, ươn và bốc mùi hoặcnhiễm vi sinh vật (vi khuẩn, ký sinh trùng), các loại rausống, gỏi chưa được rửa sạch, nước uống thì bị nhiễmkhuẩn hoặc bị ônhiễm hóa học (kim loại nặng, độc tố vi nấm…) kết quảmọi người phải nhập viện hàng loạt vì ngộ độc.

**19**

Câu 9(6 điểm): Phân Tích Nội Dung Quy Luật Từ Những SựThayĐổi Về Lượng Dẫn Đến Sự Thay Đổi Về Chất Và Ngược Lại? ÝNghĩaPhương Pháp Luận Của Quy Luật?

\*Vai trò của quy luật: chỉ ra cách thức, phương thức của sựvậnđộng, phát triển các quy luật, hiện tượng.

\*Các khái niệm:

-Chất: là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quyết định kháchquanvốncó của sự vật hiện tượng là thống nhất hữu cơ các thuộc tính cấuthànhnó, phân biệt nó với các khác.

-Lượng: là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quyết định kháchquanvốn có của sự vật về các phương diện, số lượng các yếu tố cấuthành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ, nhịp điệu của các quá trình vậnđộngvàphát triển của sự vật.

-Thuộc tính: chỉ những đặc điểm, tính chất của sự vật.

-Độ: là phạm trù triết học dùng để chỉ khoảng giới hạn mà trongđócósự thay đổi về lượng chưa làm thay đôi căn bản, bản chất của sựvật, hiện tượng.

-Điểm nút: là thời điểm mà tại đó diễn ra sự thay đổi về chất.

-Bước nhảy: là sự chuyển hóa trong quá trình của sự vật, hiệntượngchấtcũ mất đi và chất mới ra đời.

\*Nội dung quy luật:

a,Lượng biến đổi dần dần dẫn đến sự thay đổi về chất: lượngthayđổi dần dần – vượt qua giới hạn quá độ - tại điểm nút dẫn đến làmchochấtcũ mất đi, chất mới ra đời, chất mới ra đời sẽ quyết định 1 lượngmới –Lượng mới tích lũy vượt mức giới hạn độ đến tại điểmnút đếnchất

**20**

mới… quá trình này diễn ra liên tục, tạo thành phương thức cơbản, phổbiến của các quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội vàtưduy.

b,Khi chất mới ra đời lại có sự tác động trở lại lượng của sựvật: chất mới ra đời sẽ quyết định 1 lượng mới biểu hiện trên phương diệnlàmthay đổi kết cấu, quy mô, trình độ, nhịp điệu vận động và phát triểncủasự vật, làm thay đổi giới hạn độ, điểm nút, tạo ra những biến đổi mới vềlượng của sự vật.

\*Ý nghĩa của phương pháp luận:

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải coi trọng cả 2 phươngdiệnchất và lượng của sự vật.

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiện cần phải chống 2 khuynhhướng tả khuynh và tư tưởng hữu khuynh.

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn cần vận dụng linh hoạt cáchìnhthức bước nhảy.

**21**

Câu 10(6 điểm): Thực Tiễn Là Gì? Phân Tích Vai Trò Của ThựcTiễnĐối Với Quá Trình Nhận Thức?

\*Khái niệm: thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mangtính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

\*Tính chất của hoạt động thực tiễn:

-Là hoạt động có tính cộng đồng xã hội.

-Là hoạt động có tính lịch sử cụ thể.

-Là hoạt động có tính sáng tạo, có mục đích cải tạo tự nhiên, hoànthiệncon người.

\*3 hình thức cơ bản của thực tiễn:

-Hoạt động sản xuất vật chất: quá trình của con người sử dụngcôngcụlao động tác động vào tự nhiên, tạo ra của cải vật chất cho xã hội ( ví dụ:dung cuốc đi cuốc đất trồng cây vải, trồng mít,…)

-Hoạt động chính trị- xã hội: là hoạt động của các cộng đồngngười, cáctổ chức khác nhau trong xã hội nhằm cải biến những quan hệ chínhtrị-xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển. ( ví dụ: đoàn thanh niên, hội sinhviên)

-Hoạt động thực nghiệm: khoa học là một hình thức đặc biệt củathựctiễn, được tiến hành trong những điều kiện do con người tạo ra, gầngiống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằmxác định những quy luật biến đổi, phát triển của đối tượng nghiêncứu. Dạng hoạt động này có vai trò trong sự phát triển của xã hội, đặcbiệt làtrong thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

\*Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức:

**22**

a,Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức:

-Đối tượng nhận thức là thế giới khách quan, nhưng nó khôngtựbộclộcác thuộc tính, nó chỉ hoạt động khi con người tác động vào bằnghoạt động thực tiễn, tức là thực tiễn phải là điểm xuất phát, cơ sởtrựctiếphình thành nên quá trình nhận thức.

-Thế giới khách quan luôn vận động, để nhận thức kịp tiến trìnhvậnđộng của nó, con người bắt buộc phải thông qua hoạt động thựctiễn.

b,Thực tiễn là mục đích của nhận thức:

Những tri thức con người đạt được trong quá trình nhận thức phải ápdụng vào hiện thực và cải tạo hiện thực, sự áp dụng đó thôngquathựctiễn. Đó là sự vật chất hóa những quy luật, tính tất yếu đã nhậnthứcđược. Do đó, thực tiễn là mục đích chung của các ngành khoa học.

c,Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm tra những chân lý, tức là kiểmtrađúngsai của các tri thức mới:

Những tri thức mới, thông qua nhận thức con người có được, đểkiểmtratính đúng đắn của nó, phải dựa vào thực tiễn. Thực tiễn chínhlàthướcđo giá trị những tri thức mới đó, đồng thời thực tiễn bổ sung, điềuchỉnh,sửa chữa, phát triển và hoàn thiện nhận thức.

**23**

Câu 11(6 điểm): Lenin Viết :’’Từ Trực Quan Sinh Động ĐếnTưDuyTrìu Tượng Và Từ Tư Duy Trừu Tượng Đến Thực Tiễn Đó Là ConĐường Biện Chứng Của Sự Nhận Thức Chân Lý, Nhận Thức ThựcTạiKhách Quan’’.Anh Chị Hãy Phân Tích Luận ĐiểmTrên Và Rút RaÝNghĩa Của Nó?

\*Các giai đoạn của nhận thức:

-Nhận thức cảm tính (nhận thức trực tiếp/ trực quan sinh động) baogồm:

+Cảm giác: là hình ảnh 1 vài thuộc tính sơ khai, đơn lẻ của đối tượngnhận thức tác động vào giác quan của con người.+Tri giác: là hìnhảnhtương đối toàn vẹn về sự vật, là tổng hợp cảm giác nhưng có hệthống, đầy đủ, phong phú.

+Biểu tượng: là hình ảnh được con người tái tạo, lưu giữ khi đối tượngnhận thức không còn tác động trực tiếp vào giác quan của conngười –làhình thức phản ánh cao nhất trong nhận thức cảmtính.

-Nhận thức lý tính (nhận thức gián tiếp/ tư duy trìu tượng) baogồm:

+ Khái niệm: là hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng, phảnánhnhữngđặc tính bản chất của sự vật. Sự hình thành khái niệmlà kết quảcủasựkhái quát, tổng hợp biện chứng các đặc điểm, thuộc tính của sựvật haylớp sự vật. Vì vậy, các khái niệm vừa có tính khách quan vừa cótínhchủquan, vừa có mối quan hệ tác động qua lại với nhau, vừa thườngxuyênvận động và phát triển. Khái niệm có vai trò rất quan trọngtrongnhậnthức bởi vì, nó là cơ sở để hình thành các phán đoán và tư duykhoahọc.

+ Phán đoán: là hình thức tư duy trừu tượng, liên kết các khái niệmvớinhau để khẳng định hay phủ định một đặc điểm, một thuộc tínhcủađốitượng. Thí dụ: "Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng" là một phánđoán vì có sự liên kết khái niệm "dân tộc Việt Nam" với khái niệm"anhhùng". Theo trình độ phát triển của nhận thức, phán đoánđượcphânchia làm ba loại là phán đoán đơn nhất (ví dụ: đồng dẫn điện), phánđoánđặc thù (ví dụ: đồng là kim loại) và phán đoán phổ biến (ví dụ: mọi kim

**24**

loại đều dẫn điện). Ở đây phán đoán phổ biến là hình thức thểhiệnsựphản ánh bao quát rộng lớn nhất về đối tượng.

Nếu chỉ dừng lại ở phán đoán thì nhận thức chỉ mới biết đượcmối liênhệ giữa cái đơn nhất với cái phổ biến, chưa biết được giữa cái đơnnhấttrong phán đoán này với cái đơn nhất trong phán đoán kia và chưabiếtđược mối quan hệ giữa cái đặc thù với cái đơn nhất và cái phổbiến.Chẳng hạn qua các phán đoán thí dụ nêu trên ta chưa thể biết ngoài đặctính dẫn điện giống nhau thì giữa đồng với các kimloại khác còncócácthuộc tính giống nhau nào khác nữa. Để khắc phục hạn chế đó, nhậnthức lý tính phải vươn lên hình thức nhận thức suy luận.

+ Suy luận: là hình thức tư duy trừu tượng liên kết các phán đoánlại vớinhau để rút ra một phán đoán có tính chất kết luận tìmra tri thứcmới.Thí dụ, nếu liên kết phán đoán "đồng dẫn điện" với phán đoán"đồnglàkim loại" ta rút ra được tri thức mới "mọi kimloại đều dẫnđiện". Tùytheo sự kết hợp phán đoán theo trật tự nào giữa phán đoán đơnnhất, đặcthù với phổ biến mà người ta có được hình thức suy luận quynạphaydiễn dịch.

-Do đó Lenin Viết :’’Từ Trực Quan Sinh Động Đến Tư Duy TrìuTượngVà Từ Tư Duy Trừu Tượng Đến Thực Tiễn Đó Là Con ĐườngBiệnChứng Của Sự Nhận Thức Chân Lý, Nhận Thức Thực Tại KháchQuan’’

\*Ý nghĩa: tất cả các chi thức mới mà con người có được trongquátrìnhhoạt động thực tiễn đều phải được quay lại kiểmnghiệmthôngquahoạtđộng thực tiễn.

**25**

Câu 12(6 điểm): Phân Tích Nội Dung Quy Luật Về Sự Phù HợpCủaQuan Hệ Sản Xuất Với Trình Độ Phát Triển Của Lực LượngSảnXuất?Đảng Cộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Quy Luật Này NhưThếNàoTrong Thời Kỳ Đổi Mới ?

\*Các khái niệm:

-Phương thức sản xuất: dùng để chỉ những cách thức con người sửdụngđể tiến hành quá trình sản xuất của xã hội ở những giai đoạn lịchsửnhấtđịnh.

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiêntrongquá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinhthầntạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầusinhtồnvà phát triển của con người.

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

1, trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹnăng, chithức,… của người lao động)

2, các tự liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tưliệuphụtrợ,…)

-Quan hệ sản xuất: là mối quan hệ giữa người với người trongquátrìnhsản xuất vật chất

-Kết cấu của quan hệ sản xuất: gồm quan hệ sở hữu với tư liệusảnxuất, quan hệ tổ chức, quản lý quá trình sản xuất, quan hệ trong phânphối, kếtquả của quá trình sản xuất đó.

\*Nội dung quy luật:

-Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là 2 mặt cơ bản tất yếucủaquátrình sản xuất, tồn tại trong tính thống nhất với nhau, quyết địnhlẫn

**26**

nhau, trong đó lực lượng sản xuất là nội dung vật chất của quá trìnhsảnxuất, còn quan hệ xã hội là ‘’hình thức xã hội’’ của quá trìnhđó. Tươngứng với trình độ nhất định của lực lượng sản xuất tất yếu đòi hỏi phải cóquan hệ sản xuất phù hợp với trình độ đó trên cả 3 phương diện: sửhữutư liệu sản xuất, tổ chức – quản lý quá trình sản xuất và phânphối kết quả của quá trình sản xuất.

-Mối quan hệ thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sảnxuất tuân theo tính tất yêu khách quan : trong mỗi giai đoạn lịch sửnhất địnhquan hệ sản xuất với tư cách là hình kinh tế- xã hội của quá trìnhsảnxuất, luôn có khả năng tác động lại sự vận động, phát triển của lựclượngsản xuất, sự tác động này theo chiều hướng tích cực hoặc tiêucực.

-Do nhu cầu khách quan của sự phát triển xã hội, quan hệ sảnxuất pháttriển thành quan hệ sản xuất mới để phù hợp với lực lượng sảnxuất mới,do đó tạo ra 1 phương thức sản xuất mới.

-Quá trình này liên tục diễn ra, lặp đi lặp lại, làmcho xã hội vậnđộng, phát triển từ thấp đến cao.

Nâng cao trình độ người lao động bằng cách phát triển giáodụcđàotạođặc biệt là đào tạo nghề. Nâng cao chất lượng hiệu quả giáodụcđàotạonghề, nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn lao động cả về số lượngvàchấtlượng.

\*Đảng cộng sản việt nam đã vận dụng quy luật này như sau

-Hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủnghĩađểhoàn thiện quan hệ sản xuất.

-Tăng cường những bước cơ bản về cơ sở vật chất cho khoa học–côngnghệ, tập trung xây dựng một số phòng thí nghiệmđạt trìnhđộtiêntiếntrong khu vực trên các lĩnh vực công nghệ trọng điểmnhưcôngnghệthông tin, công nghệ sinh học, hóa dầu….

**27**

- Về quản lý, trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủnghĩaphảicó sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xãhội chủnghĩa quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chínhsách đồng thời sử dụng cơ chế thị trường, các hình thức kinhtếvàphương pháp quản lý kinh tế thị trường để kích thích sảnxuất, giảiphóng sức sản xuất, phát huy tính tích cực và hạn chế nhữngmặt tiêucực

**28**

Câu 13(6 điểm): Phân Tích Độc Lập Tương Đối Của ÝThức XãHội SoVới Tồn Tại Xã Hội? Cho Ví Dụ Cụ Thể Trong Thực Tiễn?

Ý thức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội do tồn tại xã hội xã hội quyđịnh nhưng ý thức xã hội không phụ thuộc vào tồn tại xã hội 1cáchthụđộng mà nó có tác động tích cực trở lại tồn tại xã hội khi đã ra đời ýthứcxã hội có quy luật riêng của nó.

1. Ý thức xã hội: Thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội. - Tính lạc hậu của ý thức xã hội biểu hiện rõ nét nhất trong tâmlýxãhộicác hiện tượng ý thức xã hội có nguồn và nảy sinh từ xã hội củvẫntồntại giai dẳng trong xã hội mới mặc dù xã hội đã mất đi thậmchí mất rất lâu.

- Không chỉ ở cấp độ tâm lý mà ngay cải cấp độ lý luận ý thức xãhội vẫn có thể tồn tại xã hội bị bỏ xa nếu lý luận đó không chuyểnđổi kịpthời so với sự biến đổi của hiện thực.

Nguyên nhân:

- Ý thức xã hội lạc hậu la do sức mạnh của thói quen tập quánđãănsâubám chắc vào đời sống tinh thần của nhân dân do đó khi tồn tại xãhội thay đổi các yếu tố này dễ dàng thay đổi theo.

- Tồn tại xã hội thường xuyên thay đổi với tốc độ nhanh trongkhi đấyýthức xã hội chậm thay đổi nên không phản ánh kịp thời và trởnênlạchậu.

- Ý thức xã hội luôn gắn bó chặt chẽ với lợi ích giai cấp tập toánngười trong xã hội vì vậy những tư tưởng cũ lạc hậu thường được các lựclượng này lưu giữ và truyền bá trong xã hội để níu kéo nhữnglợi íchcủahọ.

Ý nghĩa:

- Những tư tưởng cũ lạc hậu không tự động mất đi mà phải thôngquacuộc đấu tranh cải tạo.

**29**

- Phải xây dựng lý luận khoa học trên cơ sở tổng kết thực tiễnđảmbảophản ánh kịp thời những thay đổi của cuộc sống đồng thời tạodựngcơsở vật chất đẻ hình thành ý thức xã hội mới.

2. Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội. a. Ý thức xã hội nếu phản ánh đúng quy luật vận động của tồntại xãhộitrong những điều kiện nhất định tư tưởng của con người đặc biệt lànhững tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trước tồn tại xã hội chỉ rachính xác sự vận động của tương lai có tác dụng chỉ đạo hoạt độngthựctiễn của con người.

b. Phản ánh vượt trước có cơ sở và phản ánh vượt trước khôngcócơsởcủa ý thức xã hội.

- ý thức xã hội được co là vượt trước tồn tại xã hội nếu nó phảnánhđúng mối quan hệ bản chất tất yếu của tồn tại xã hội nghĩa là ýthứcxãhội phản ánh đúng quy luật khách quan của sự vận động phát triểncủatồn tại xã hội.

- Tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trước ý thức xã hội nhưngxétđến cùng nó bắt nguồn từ tồn tại xã hội nó dự báo trước thực tại kháchquan của tự nhiên xã hội.

- Ngước lại nếu ý thức xã hội không phản ánh đúng quy luật kháchquancủa sự vận động phát triển tồn tại xã hội và bị chi phối bởi mongmuốnchủ quan thì khi đó sự phản ánh vượt trước của ý thức xã hội là khôngcó cơ sở rơi vào ảo tưởng tác động xấu đến tồn tại xã hội. Sởdĩ ýthứcxã hội có khả năng vượt trước tồn tại xã hội là do ý thức xã hội cótínhtồn tại độc lập tương đối so với tồn tại xã hội nó có khả năngphát huytính sáng tạo trong phản ánh tồn tại xã hội chính vì vậy ý thức xãhội không chỉ phản ánh cái đã có mà vạch ra cái sẽ có trong tươnglai. Ý nghĩa: Muốn có ý thức xã hội mới – ý thức xã hội XHCNchúngtaphải phát huy cao tính năng động sáng tạo của nó và vai trò củaconngười trong nhận thức và cải tạo thế giới đồng thời khắc phục tínhbảothủ, thụ động ỷ lại trong cuộc sống.

3. Tính kế thừa của ý thức xã hội.

Do có sự kế thừa trong sự phát triển của nó nên không thể giải thíchý

**30**

thức xã hội đơn thuần từ tồn tại xã hội.

- Kế thừa là 1 trong những tính quy luật của sự phát triển một tưtưởngmới ra đời bao giờ cũng có sự chọn lọc tiếp thu những tinh hoa củaquákhứ, quan hệ kế thừa làm cho sự phát triển trong lĩnh vực, ý thứcxãhộidiễn ra như một dòng chảy lịch sử tự nhiên nối tiếp liên tục của tưduygiữa các thế hệ.

- Do ý thức xã hội có tính kế thừa nên không thể giải thích 1 quanđiểmtư tưởng nào đó nếu chỉ dựa vào quan hệ kinh tế xã hội hiện cómàchúýđến

Ví dụ: ý thức về thức ăn tồn tại lâu hơn sự tồn tại vật chất của thứcăn, ýthức về giai cấp có sau khi các giai cấp đã hình thành, chínhsáchkhoanhồng của nhà nước đối với tội phạm có sự kế thừa của chínhsáchtừngcó trong lịch sử nhà nước,…

**31**

Câu 14(6 điểm): Phân Tích Vai Trò Của Quần Chúng Nhân TrongSựPhát Triển Lịch Sử Và Rút Ra Ý Nghĩa Của Nó? Đảng CộngSảnViệt Nam Đã Vận Dụng Bài Học ‘’Lấy Dân Làm Gốc’’Như Thế NàoTrònThời Kỳ Đổi Mới?

\*Khái niệm quần chúng nhân dân: là bộ phận có chung lợi íchcănbản,bao gồm những thành phần , nhưng tầng lớp và những giai cấp, liênkếtlại thành tập thể dưới sự lãnh đạo của 1 cá nhân, tổ chức hayđảngpháinhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị xã hội của 1thời đạinhất định. Các bộ phận cấu thành quần chúng nhân dân là mangtínhlịchsử cụ thể, nhưng nhìn chung, quần chúng nhân dân bao gồmcácbộphậndân cư:

-Người lao động sản xuất ra của cải vật chất và các giá trị tinhthần.

-Những bộ phận dân cư chống lại giai cấp áp bức, thống trị, đối khángvới quần chúng nhân dân.

-Những giai cấp, tầng lớp thúc đẩy tiến bộ xã hội. \*Vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử:

-Quần chúng nhân dân là lực lượng sản xuất cơ bản của với mọi xãhội,trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu tồntại vàpháttriển của con người và xã hội.

-Quần chúng nhân dân là lực lượng trực tiếp hoặc gián tiếpsángtạoracác giá trị tinh thần cho xã hội và kiếm chứng các giá trị đó.

-Quần chúng nhân dân là lực lượng và động lực cơ bản của với mọi cuộccách mạng và cải cách xã hội. Không có cuộc cách mạng haycải cách

**32**

nào thành công nếu không xuất phát từ nguyện vọng và lợi íchcủaquầnchúng nhân dân.

Do đó, xét từ kinh tế đến chính trị, từ hoạt động vật chất đếnhoạt độngtinh thần , quần chúng nhân dân luôn đóng góp vai trò quyết địnhtronglịch sử và có thể tạo ra lịch sử

\*Ý nghĩa: trong tất cả với mọi hoạt động và điều tiết xã hội, với mọi chủtrương, đường lối, chính sách của nhà nước đều phải xuất phát từnguyện vọng và lợi ích của quần chúng nhân dân.

**33**

**Phần 4 điểm 9 câu hỏi:**

Câu 1(4 điểm): Tại Sao Mối Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại HayGiữa Vật Chất Và Ý Thức Là Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học ?

\*Định Nghĩa Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học:

-Ăng Ghen ‘’Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Đặc Biệt Triết HọcHiệnĐại Là Vấn Đề Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại ‘’

-Hai Mặt Trong Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học:

+Mặt Thứ Nhất: Mối Quan Hệ Giữa Vật Chất Và ÝThức

+Mặt Thứ Hai: Con Người Có Khả Năng Nhận Thức Được ThếGiới Hay Không

\*Tại Sao:

-Đây Là Vấn Đề Rộng Nhất,Chung Nhất Đóng Vai Trò Là NềnTảng, Định Hướng Để Giải Quyết Vấn Đề Khác.

-Các Trường Phái Triết Học Đều Trực Tiếp/Gián Tiếp Đi VàoGiải Thích Về Mối Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại Hay Giữa Vật Chất Và Ý Thức Trước Khi Đi Vào Các Quyết Định Của Mình.

-Việc Quyết Định Mối Quan Hệ Giữa Vật Chất Và ÝThức Là CơSởXuất Phát Cho Các Quyết Định Triết Học Nảy Sinh.

-Việc Quyết Định Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Là Tính Chất KháchQuan Khoa Học Để Phán Địch Lập Trường Tư Tưởng Triết HọcCủaCác Nhà Triết Học Trong Lịch Sử.

**34**

Câu 2(4 điểm): Phân Tích Sự Đối Lập Giữa Phương Pháp BiệnChứngVà Phương Pháp Siêu Hình Và Đánh Giá ,Giá Trị Của Hai PhươngPhápĐó.

\*So sánh 2 phương pháp :

Phương pháp luận biện chứng và phương pháp luận siêu hìnhcónhiềuđiểm khác biệt. Phương pháp luận biện chứng nhận thức được sựvật hiện tượng trong mối quan hệ quyết định, ràng buộc lẫn nhau, ởđóvừathấy bộ phận, vừa thấy toàn thể, còn phương pháp luận siêu hìnhlại nhận thức các sự vật hiện tượng trong trạng thái cô lập, tách rời với cácsự vật khác, chỉ thấy chỉnh thể cô lập mà không thấy toàn thể. Phươngpháp luận siêu hình nhận thức các sự vật hiện tượng ở trạng thái tĩnhlại, không vận động, không phát sinh, không phát triển, nếu có biếnđổi chỉ là sư biến đổi về lượng.

Ngược lại, phương pháp luận biện chứng nhận thức các sự vật hiệntượng luôn vận động biến đổi, nằm trong khuynh hướng chunglàphát triển, đó là quá trình biến đổi về chất của sự vật. Nguyên nhâncủasựbiến đổi đối với phương pháp luận siêu hình là nằmngoài sựvật hiệntượng, trong khi với phương pháp luận biện chứng, nguồn gốc củasựphát triển nằm trong bản thân các sự vật hiện tượng. Đó là quá trìnhđấutranh giữa các mặt đối lập nhằm giải quyết các mẫu thuẫn nội tại củachúng.

\*Vai trò:

-Phương pháp luận siêu hình có tác dụng trong 1 phạmvi nhất địnhnàođó và thường được 1 số môn khoa học tự nhiên sử dụng.

-Phương pháp luận biện chứng là công cụ hữu hiệu để giúp conngười nhận thức và cải tạo thế giới.

**35**

Câu 3(4 điểm): Có Thể Đồng Nhất Quan Hệ Nhân Quả Với QuanHệHàm Số Được Không? Tại Sao?

\*Định Nghĩa Nguyên Nhân, Kết Quả:

-Nguyên Nhân: Là Phạm Trù Chỉ Sự Tác Động Lẫn Nhau GiữaCácMặtTrong Một Sự Vật Với Nhạu Gây Ra Một Biến Đổi Nhất ĐịnhNàoĐó.

-Kết Quả: Là Những Biến Đổi Xuất Hiện Do Tác Động Lẫn NhauGiữaCác Mặt Trong Một Sự Vật Hoặc Giữa Các Sự Vật Với NhauGâyRa.

\*Không Thể Đồng Nhất Quan Hệ Hàm Số Và Quan Hệ NhânQuảĐượcVì:

-Trong Quan Hệ Hàm Số y=f(x) Với Mỗi Giá Trị Của x ChoTaMột GiáTrị y Tương Ứng ( Chỉ Một Giá Trị y)

-Trong Quan Hệ Nhân Quả Diễn Ra Phức Tạp. Một Nguyên NhânSinhRa Nhiều Kết Quả, Nhiều Nguyên Nhân Sinh Ra Một Kết Quả. HơnNữa Quan Hệ Nhân Quả Mang Tính Khách Quan Còn Quan HệHàmSốKhông Có Tính Khách Quan

**36**

Câu 4(4 điểm): Theo Triết Học Mac-Lenin Vận Động Và ĐứngImCóĐối Lập Tuyệt Đối Không? Tại Sao?

\*Vận động: là với mọi sự biến đổi nói chung, tức là với mọi sựbiếnđổitừ đơn giản đến phức tạp diễn ra trong thế giới

\*5 hình thức của vận động:

+Vận động cơ học: sự di chuyển của các vật thể trong khônggian

+Vận động vật lý: sự vận động của các phần tử, các hạt cơ bản, cácquátrình nhiệt điện,…

+Vận động hóa học: sự biến đổi của các chất vô cơ, hữu cơ trongquátrình hóa học và phân giải

+Vận động sinh vật: sự trao đổi chất của cơ thể sống với môi trường+Vận động xã hội: sự thay thế giữa các hình thái kinh tế - xã hội

\*Đứng im là 1 trạng thái vận động đặc biệt, tương đối ổn địnhcủacácsựvật. Đứng im chỉ xảy ra trong 1 quan hệ xác định, với một hìnhthứcvậnđộng xác định. Đứng im là tương đối tạm thời, còn vận độnglà tuyệt đối.

Do đó, giữa vận động và đứng im không có sự đối lập tuyệt đối.

Câu 5(4 điểm): Tại Sao Nói Sản Xuất Vật Chất Là Cơ Sở Của SựTồnTại Và Phát Triển Của Xã Hội?

**37**

\*Khái niệm: thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mangtính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

\*Tính chất của hoạt động thực tiễn:

-Là hoạt động có tính cộng đồng xã hội.

-Là hoạt động có tính lịch sử cụ thể.

-Là hoạt động có tính sáng tạo, có mục đích cải tạo tự nhiên, hoànthiệncon người.

\*3 hình thức cơ bản của thực tiễn:

-Hoạt động sản xuất vật chất: quá trình của con người sử dụngcôngcụlao động tác động vào tự nhiên, tạo ra của cải vật chất cho xã hội ( ví dụ:dung cuốc đi cuốc đất trồng cây vải, trồng mít,…)

-Hoạt động chính trị- xã hội: là hoạt động của các cộng đồngngười, cáctổ chức khác nhau trong xã hội nhằm cải biến những quan hệ chínhtrị-xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển. ( ví dụ: đoàn thanh niên, hội sinhviên)

-Hoạt động thực nghiệm: khoa học là một hình thức đặc biệt củathựctiễn, được tiến hành trong những điều kiện do con người tạo ra, gầngiống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằmxác định những quy luật biến đổi, phát triển của đối tượng nghiêncứu. Dạng hoạt động này có vai trò trong sự phát triển của xã hội, đặcbiệt làtrong thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

\*Trong các hình thức hoạt động trên, hoạt động sản xuất vật chất đóngvai trò quyết định nhất, bởi vì:

-Sản xuất vật chất là nhu cầu khách quan của sự tồn tại và phát triểncủaxã hội

**38**

-Sản xuất vật chất là cơ sở, nền tảng để con người sáng tạo ra cácmặt của đời sống xã hội, sáng tạo ra các giá trị văn hóa, tinh thần choxãhội

-Sản xuất vật chất quyết định sự phát triển của xã hội từ thấpđếncaoquyết định sự tiến bộ của xã hội

Câu 6(4 điểm): Trong Kết Cấu Của Lực Lượng Sản Xuất , YếuTốNàoGiữ Vai Trò Quyết Định Nhất? Tại Sao?

**39**

\*Khái niệm:

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiêntrongquá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinhthầntạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầusinhtồnvà phát triển của con người.

-Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độchinhphụcgiới tự nhiên của con người

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

1, trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹnăng, chithức,… của người lao động)

2, các tự liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tưliệuphụtrợ,…)

\*Trong các yếu tố trên, người lao động giữ vai trò quyết địnhnhất bởi vìngười lao động trực tiếp sáng tạo ra công cụ lao động, mà côngcụlaođộng biểu hiện rõ nét nhất chính là trình độ phát triển của lực lượngsảnxuất, trình độ chinh phục của con người.

Câu 7(4 điểm): Kết Cấu Của Lực Lượng Sản Xuất, Yếu Tố NàoĐôngNhất , Cách Mạng Nhất?

**40**

\*Khái niệm:

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiêntrongquá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinhthầntạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầusinhtồnvà phát triển của con người.

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

1, trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹnăng, chithức,… của người lao động)

2, các tự liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tưliệuphụtrợ,…)

\*Trong các yếu tố trên, công cụ lao động là yếu tố đông nhất, cáchmạngnhất, bởi vì:

-Do khoa học ngày càng phát triển nên con người luôn ứng dụngkhoahọc để sang tạo ra các công cụ lao động mới

-Do nhu cầu của xã hội , con người ngày càng cao nên con người luônýthức để sáng tạo ra các công cụ để đáp ứng nhu cầu đó

-Do kinh nghiệm, kỹ năng của con người ngày càng cao, hoànthiệnnêncon người luôn cải tiến công cụ lao động, để quá trình sản xuất đạt hiệuquả hơn, năng suất lao động cao hơn

Câu 8(4 điểm): Sao Ngày Nay , Khoa Học Là Yếu Tố Trực TiếpCủaXãHội ? Ví Dụ ?

\*Khái niệm:

**41**

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiêntrongquá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinhthầntạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầusinhtồnvà phát triển của con người.

-Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độchinhphụcgiới tự nhiên của con người

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

1, trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹnăng, chithức,… của người lao động)

2, các tự liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tưliệuphụtrợ,…)

\*Ngày nay, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xãhội bởi vì khoa học phát triển hoạt động trực tiếp tới các yếu tố tronglựclượng sản xuất:

-Trước hết, nhờ khoa học phát triển, con người nhận thức sâusắchơnvềthế giới, và trên cơ sở đó, con người sáng tạo ra được nhiều côngcụ, laođộng mới để thay thế con người trong quá trình sản xuất ( ví dụ: sángtạora rô bốt, AI,…)

-Nhờ có khoa học, con người mới có khả năng sáng tạo ra nhiềuvật liệumới ( ví dụ: vật liệu nano,…)

-Trên cơ sở đó người ta tạo ra được nhiều sản phẩmđáp ứng nhucầucủacon người và xã hội

Câu 9(4 điểm): Tại Sao Ý Thức Của Xã Hội Thường Lạc HậuHơnSoVới Tồn Tại Của Xã Hội? Ví Dụ?

**42**

\*Khái Niệm Tồn Tại Xã Hội : Là Phương Diện Sinh Hoạt Vật Chất VàNhững Điều Kiện Sinh Hoạt Vật Chất Trong Xã Hội.

\*Kết Cấu : Tồn Tại Xã Hội Bao Gồm Phương Thức Sản Xuất, ĐiềuKiện Địa Lý Và Dân Số.

\*Khái Niệm Thức Xã Hội: Là Phương Diện Sinh Hoạt Tinh ThầnCủaXã Hội ( Bao Gồm Quan Điểm, Tư Tưởng, Tình cảm,…), NảySinhTrong Xã Hội Và Phản Ánh Tồn Tại Xã Hội Trong Giai ĐoạnPhát Triển Nhất Định.

\*Ý Thức Xã Hội Thường Lạc Hậu Hơn Tồn Tại Xã Hội Vì:

-Ý Thức Xã Hội Là Cái Phản ánh Tồn Tại Xã Hội Nên Nó CóSauTồnTại Xã Hội.

-Do Sức Mạnh Của Phong Tục, Tập Quán, Truyền Thống CũngNhưdoTính Bảo Thủ Của Một Số Hình Thái Ý Thức Xã Hội, Mặt KhácTồnTại Xã Hội Có Tính Biến Đổi Nhanh, Ý Thức Xã Hội KhôngPhảnÁnhKịp Thời.

-Ý Thức Xa Hội Luôn Gắn Với Lợi Ích Của Những Giai CấpNhất Định.Lưu Trữ Và Truyền Bá Nhằm Chống Lại Những Lực LượngXãHội Tiến Bộ.

\*Ví Dụ: Một Số Vùng Quê Ở Việt Nam Tuy Điều Kiện KinhTếPhát Triển Nhưng Vẫn Còn Phong Tục, Tập Quán Lạc Hậu Như: MaChay, Tảo Hôn,…

**43**